

I. MỤC TIÊU

Đánh giá việc lĩnh hội kiến thức của học sinh về .

1. Kiến thức .

- Dân cư, lao động Việt Nam
- Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam
- Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông- lâm- ngư nghiệp và công nghiệp- xây dựng
- Đặc điểm phát triển nông- lâm- ngư nghiệp và công nghiệp- xây dựng và dịch vụ

2. Kỹ năng .

- Rèn kỹ năng làm bài kiểm tra địa lý.
- Phát triển cách tư duy địa lý theo mối quan hệ nhân quả.
- Hệ thống hoá kiến thức theo sơ đồ.

3. Thái độ

- Có tinh thần học tập, nghiêm túc, độc lập khi làm bài kiểm tra.

II. MA TRẬN.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng điểm	
	Biết (40 %)		Hiểu (30 %)		Vận dụng (20 %)		Vận dụng cao (10 %)			
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
Dân cư, lao động	3 câu 0,75 điểm							2 câu 0,5 điểm		1,25 điểm
Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam			2 câu 0,5 điểm					2 câu 0,5 điểm		1 điểm
Nông - lâm-nư nghiệp	2 câu 0,5 điểm			1 câu 1,5 điểm	2 câu 0,5 điểm					2,5 điểm
Công nghiệp-xây dựng			4 câu 1 điểm							1 điểm
Dịch vụ	3 câu 0,75 điểm	1 câu 2 điểm				1 câu 1,5 điểm				4,25 điểm
Tổng điểm	4 điểm		3 điểm		2 điểm		1 điểm			10 điểm

Đề 1

I. Trắc nghiệm: (5,0 điểm) Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất.

Câu 1: Việt Nam có cơ cấu dân số

- A. Dân số già
B. Dân số trẻ có xu hướng già đi
C. Dân số trẻ
D. Dân số vàng

Câu 2: Việt Nam đã trải qua giai đoạn bùng nổ dân số trong giai đoạn:

- A. Từ 1945 trở về trước
B. Trừ 1945 đến 1954
C. Từ những năm 50 đến hết thế kỷ XX
D. Từ năm 2000 đến nay.

Câu 3: Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là:

- A. Đã qua đào tạo
B. Lao động trình độ cao
C. Lao động đơn giản
D. Tất cả chưa qua đào tạo.

Câu 4: Nhân tố nào quyết định tạo nên thành tựu to lớn trong nông nghiệp

- A. Đất
B. Khí hậu
C. Nước
D. Chính sách nhà nước

Câu 5: Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

- A. 1930
B. 1945
C. 1975
D. 1986

Câu 6: Vùng nào có mật độ dân số thưa nhất cả nước

- A. Vùng TDMN Bắc Bộ
B. Đông Nam Bộ
C. Tây Nguyên
D. Đồng bằng Sông Hồng

Câu 7 : Hãy cho biết khách sạn, nhà hàng thuộc nhóm dịch vụ nào

- A. Dịch vụ tiêu dùng
B. Dịch vụ sản xuất
C. Dịch vụ công cộng
D. Tất cả các ý trên

Câu 8 : Vườn Quốc gia Ba Bể thuộc tỉnh nào

- A. Cao Bằng
B. Bắc Kạn
C. Tuyên Quang
D. Thái Nguyên

Câu 9: Năm 2012 dân số nước ta là 88,81 triệu người, trong đó số dân thành thị là 28,27 triệu người. Tỷ lệ dân thành thị nước ta là

- A. 3,14%
B. 0,32%
C. 31,8%
D. 60,54%

Câu 10 : Loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hóa ?

- A. Đường sắt
B. Đường bộ
C. Đường sông
D. Đường hàng không

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây là vùng chuyên canh chè lớn ở nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.
B. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
D. Tây Nguyên.

Câu 12. Ý nào sau đây đúng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta?

- A. Tăng dân số độ tuổi dưới lao động.
B. Tăng dân số độ tuổi lao động và trên lao động.
C. Giảm dân số độ tuổi lao động và dưới lao động.
D. Giảm dân số độ tuổi lao động và trên lao động

Câu 13: So với thời kì trước tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta hiện nay đã giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh là do

- A. Tâm lí thích đông con của nhiều người dân
- B. Quy mô dân số nước ta lớn
- C. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và ngoài độ tuổi lao động tăng
- D. Số người ở nước ngoài về nước sống ngày càng nhiều

Câu 14: Thành phần giữ vị trí quan trọng nhất trong nền kinh tế là:

- A. Kinh tế Nhà nước
- B. Kinh tế tập thể
- C. Kinh tế cá nhân, cá thể
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 15. Khai thác và chế biến lâm sản là một trong những thế mạnh quan trọng cần được quan tâm của vùng

- A. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô vừa của vùng đồng bằng Sông Hồng?

- A. Hải Phòng, Hải Dương.
- B. Hải Dương, Nam Định.
- C. Nam Định, Hạ Long.
- D. Hải Phòng, Nam Định.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

- A. Nguyên, nhiên, vật liệu.
- B. Máy móc, thiết bị, phụ tùng.
- C. Hàng tiêu dùng.
- D. Thủy sản.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các trung tâm kinh tế tập trung cao ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ
- B. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
- C. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

- A. Cơ khí.
- B. Đóng tàu.
- C. Sản xuất ô tô.
- D. Dệt may.

Câu 20. Đâu là biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản?

- A. Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
- B. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
- C. Hiện đại hoá các phương tiện tăng cường đánh bắt xa bờ.
- D. Tăng cường đánh bắt và chế biến.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Nêu đặc điểm phát triển ngành thương mại Việt Nam

Câu 2 (1,5 điểm): Dựa vào Atlas hãy kể tên 3 di sản thiên nhiên thế giới tương ứng với các tỉnh của chúng?

Câu 3 (1,5 điểm): Tại sao thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp nước ta ?

Đề 2

I. Trắc nghiệm: (5,0 điểm) Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất.

Câu 1: Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

- A. 1930 B. 1945 C. 1975 D. 1986

Câu 2: Vùng nào có mật độ dân số thưa nhất cả nước

- A. Vùng TDMN Bắc Bộ B. Đông Nam Bộ
C. Tây Nguyên D. Đồng bằng Sông Hồng

Câu 3 : Hãy cho biết khách sạn, nhà hàng thuộc nhóm dịch vụ nào

- A. Dịch vụ tiêu dùng B. Dịch vụ sản xuất
C. Dịch vụ công cộng D. Tất cả các ý trên

Câu 4 : Vườn Quốc gia Ba Bể thuộc tỉnh nào

- A. Cao Bằng B. Bắc Kạn C. Tuyên Quang D. Thái Nguyên

Câu 5: Năm 2012 dân số nước ta là 88,81 triệu người, trong đó số dân thành thị là 28,27 triệu người. Tỷ lệ dân thành thị nước ta là

- A. 3,14% B. 0,32% C. 31,8% D. 60,54%

Câu 6 : Loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hóa ?

- A. Đường sắt B. Đường bộ
C. Đường sông D. Đường hàng không

Câu 7: Việt Nam có cơ cấu dân số

- A. Dân số già . B. Dân số trẻ có xu hướng già đi
C. Dân số trẻ D. Dân số vàng

Câu 8: Việt Nam đã trải qua giai đoạn bùng nổ dân số trong giai đoạn:

- A. Từ 1945 trở về trước B. Trừ 1945 đến 1954
C. Từ những năm 50 đến hết thế kỷ XX D. Từ năm 2000 đến nay.

Câu 9: Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là:

- A. Đã qua đào tạo B. Lao động trình độ cao
C. Lao động đơn giản D. Tất cả chưa qua đào tạo.

Câu 10: Nhân tố nào quyết định tạo nên thành tựu to lớn trong nông nghiệp

- A. Đất B. Khí hậu C. Nước D. Chính sách nhà nước

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây là vùng chuyên canh chè lớn ở nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.
B. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
D. Tây Nguyên.

Câu 12. Ý nào sau đây đúng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta?

- A. Tăng dân số độ tuổi dưới lao động.
B. Tăng dân số độ tuổi lao động và trên lao động.
C. Giảm dân số độ tuổi lao động và dưới lao động.
D. Giảm dân số độ tuổi lao động và trên lao động

Câu 13: So với thời kì trước tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta hiện nay đã giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh là do

- A. Tâm lí thích đông con của nhiều người dân
- B. Quy mô dân số nước ta lớn
- C. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và ngoài độ tuổi lao động tăng
- D. Số người ở nước ngoài về nước sống ngày càng nhiều

Câu 14: Thành phần giữ vị trí quan trọng nhất trong nền kinh tế là:

- A. Kinh tế Nhà nước
- B. Kinh tế tập thể
- C. Kinh tế cá nhân, cá thể
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

- A. Nguyên, nhiên, vật liệu.
- B. Máy móc, thiết bị, phụ tùng.
- C. Hàng tiêu dùng.
- D. Thủy sản.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các trung tâm kinh tế tập trung cao ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ
- B. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
- C. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

- A. Cơ khí.
- B. Đóng tàu.
- C. Sản xuất ô tô.
- D. Dệt may.

Câu 18. Đâu là biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản?

- A. Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
- B. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
- C. Hiện đại hoá các phương tiện tăng cường đánh bắt xa bờ.
- D. Tăng cường đánh bắt và chế biến

Câu 19. Khai thác và chế biến lâm sản là một trong những thế mạnh quan trọng cần được quan tâm của vùng

- A. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô vừa của vùng đồng bằng Sông Hồng?

- A. Hải Phòng, Hải Dương.
- B. Hải Dương, Nam Định.
- C. Nam Định, Hạ Long.
- D. Hải Phòng, Nam Định.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Nêu đặc điểm phát triển ngành thương mại Việt Nam

Câu 2 (1,5 điểm): Dựa vào Atlas hãy kể tên 3 trung tâm du lịch quốc gia, 3 trung tâm du lịch vùng?

Câu 3 (1,5 điểm): Tại sao thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp nước ta ?

Đề 3

I. Trắc nghiệm: (5,0 điểm) Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất.

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây là vùng chuyên canh chè lớn ở nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Tây Nguyên.

Câu 2: Nhân tố nào quyết định tạo nên thành tựu to lớn trong nông nghiệp

- A. Đất
- B. Khí hậu
- C. Nước
- D. Chính sách nhà nước

Câu 3: Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

- A. 1930
- B. 1945
- C. 1975
- D. 1986

Câu 4: Vùng nào có mật độ dân số thưa nhất cả nước

- A. Vùng TDMN Bắc Bộ
- B. Đông Nam Bộ
- C. Tây Nguyên
- D. Đồng bằng Sông Hồng

Câu 5 : Hãy cho biết khách sạn, nhà hàng thuộc nhóm dịch vụ nào

- A. Dịch vụ tiêu dùng
- B. Dịch vụ sản xuất
- C. Dịch vụ công cộng
- D. Tất cả các ý trên

Câu 6. Ý nào sau đây đúng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta?

- A. Tăng dân số độ tuổi dưới lao động.
- B. Tăng dân số độ tuổi lao động và trên lao động.
- C. Giảm dân số độ tuổi lao động và dưới lao động.
- D. Giảm dân số độ tuổi lao động và trên lao động

Câu 7: So với thời kì trước tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta hiện nay đã giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh là do

- A. Tâm lí thích đông con của nhiều người dân
- B. Quy mô dân số nước ta lớn
- C. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và ngoài độ tuổi lao động tăng
- D. Số người ở nước ngoài về nước sống ngày càng nhiều

Câu 8: Thành phần giữ vị trí quan trọng nhất trong nền kinh tế là:

- A. Kinh tế Nhà nước
- B. Kinh tế tập thể
- C. Kinh tế cá nhân, cá thể
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 9. Khai thác và chế biến lâm sản là một trong những thế mạnh quan trọng cần được quan tâm của vùng

- A. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô vừa của vùng đồng bằng Sông Hồng?

- A. Hải Phòng, Hải Dương.
- B. Hải Dương, Nam Định.
- C. Nam Định, Hạ Long.
- D. Hải Phòng, Nam Định.

Đề 4

I. Trắc nghiệm: (5,0 điểm) Trả lời câu hỏi bằng cách ghi vào bài làm chữ cái trước đáp án đúng nhất.

Câu 1. Đâu là biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản?

- A. Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
- B. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
- C. Hiện đại hoá các phương tiện tăng cường đánh bắt xa bờ.
- D. Tăng cường đánh bắt và chế biến.

Câu 2: Việt Nam có cơ cấu dân số

- A. Dân số già .
- B. Dân số trẻ có xu hướng già đi
- C. Dân số trẻ
- D. Dân số vàng

Câu 3: Việt Nam đã trải qua giai đoạn bùng nổ dân số trong giai đoạn:

- A. Từ 1945 trở về trước
- B. Từ 1945 đến 1954
- C. Từ những năm 50 đến hết thế kỷ XX
- D. Từ năm 2000 đến nay.

Câu 4: Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là:

- A. Đã qua đào tạo
- B. Lao động trình độ cao
- C. Lao động đơn giản
- D. Tất cả chưa qua đào tạo.

Câu 5 : Loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hóa ?

- A. Đường sắt
- B. Đường bộ
- C. Đường sông
- D. Đường hàng không

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây là vùng chuyên canh chè lớn ở nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Tây Nguyên.

Câu 7. Ý nào sau đây đúng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta?

- A. Tăng dân số độ tuổi dưới lao động.
- B. Tăng dân số độ tuổi lao động và trên lao động.
- C. Giảm dân số độ tuổi lao động và dưới lao động.
- D. Giảm dân số độ tuổi lao động và trên lao động

Câu 8: So với thời kì trước tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta hiện nay đã giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh là do

- A. Tâm lí thích đông con của nhiều người dân
- B. Quy mô dân số nước ta lớn
- C. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và ngoài độ tuổi lao động tăng
- D. Số người ở nước ngoài về nước sống ngày càng nhiều

Câu 9: Thành phần giữ vị trí quan trọng nhất trong nền kinh tế là:

- A. Kinh tế Nhà nước
- B. Kinh tế tập thể
- C. Kinh tế cá nhân, cá thể
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 10. Khai thác và chế biến lâm sản là một trong những thế mạnh quan trọng cần được quan tâm của vùng

- A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô vừa của vùng đồng bằng Sông Hồng?

- A. Hải Phòng, Hải Dương. B. Hải Dương, Nam Định.
C. Nam Định, Hạ Long. D. Hải Phòng, Nam Định.

Câu 12: Nhân tố nào quyết định tạo nên thành tựu to lớn trong nông nghiệp

- A. Đất B. Khí hậu C. Nước D. Chính sách nhà nước

Câu 13: Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

- A. 1930 B. 1945 C. 1975 D. 1986

Câu 14: Vùng nào có mật độ dân số thưa nhất cả nước

- A. Vùng TDMN Bắc Bộ B. Đông Nam Bộ
C. Tây Nguyên D. Đồng bằng Sông Hồng

Câu 15 : Hãy cho biết khách sạn, nhà hàng thuộc nhóm dịch vụ nào

- A. Dịch vụ tiêu dùng B. Dịch vụ sản xuất
C. Dịch vụ công cộng D. Tất cả các ý trên

Câu 16: Vườn Quốc gia Ba Bể thuộc tỉnh nào

- A. Cao Bằng B. Bắc Kạn C. Tuyên Quang D. Thái Nguyên

Câu 17: Năm 2012 dân số nước ta là 88,81 triệu người, trong đó số dân thành thị là 28,27 triệu người. Tỷ lệ dân thành thị nước ta là

- A. 3,14% B. 0,32% C. 31,8% D. 60,54%

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

- A. Nguyên, nhiên, vật liệu. B. Máy móc, thiết bị, phụ tùng.
C. Hàng tiêu dùng. D. Thủy sản.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các trung tâm kinh tế tập trung cao ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ
B. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
C. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 120S. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

- A. Cơ khí. B. Đóng tàu. C. Sản xuất ô tô. D. Dệt may.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Nêu đặc điểm phát triển ngành thương mại Việt Nam

Câu 2 (1,5 điểm): Dựa vào Atlas hãy kể tên 3 di sản thiên nhiên thế giới tương ứng với các tỉnh của chúng?

Câu 3 (1,5 điểm): Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

Đề 1

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3Đ).

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
B	C	C	D	D	C	A	B	C	B
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
C	B	B	A	A	B	A	B	C	C

II. TỰ LUẬN (5Đ).

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1 (2đ)	<p>Đặc điểm phát triển ngành thương mại Việt Nam</p> <p>* Nội thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả nước là một thị trường thống nhất. Hàng hoá dồi dào, đa dạng và tự do lưu thông. Hệ thống các chợ hoạt động tập nập cả ở thành thị và nông thôn. - Các thành phần kinh tế đa dạng. Khu vực ngoài nhà nước có vai trò quan trọng nhất - Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm thương mại và dịch vụ lớn nhất cả nước <p>* Ngoại thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại thương là hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng nhất ở nước ta - Nước ta nhập khẩu: Máy móc, thiết bị; nguyên nhiên vật liệu; hàng tiêu dùng - Nước ta xuất khẩu: Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp - Hoạt động ngoại thương chủ yếu với các nước khu vực châu Á- Thái Bình Dương như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á 	2 điểm
2 (1,5 đ)	<p>3 di sản thế giới tương ứng với các tỉnh của chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vịnh Hạ Long : Quảng Ninh + Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình) + Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) 	1, 5 điểm

3 (1,5đ)	<i>Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp nước ta vì</i> <ul style="list-style-type: none">- Xả lũ vào mùa mưa và chống hạn vào mùa khô- Tăng diện tích đất canh tác- Thâm canh tăng vụ	1, 5 điểm
-----------------	--	------------------

BGH DUYỆT

NT/TTCM DUYỆT

GV BỘ MÔN

Đặng Thị Tuyết Nhung

Hoàng Thu Hiền

Trần Thị Ngoan

Đề 2

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3Đ).

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
D	C	A	B	C	B	B	B	C	D
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
B	B	B	A	A	B	C	C	A	B

II. TỰ LUẬN (5Đ).

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1 (2đ)	<p>Đặc điểm phát triển ngành thương mại Việt Nam</p> <p>* Nội thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả nước là một thị trường thống nhất. Hàng hoá dồi dào, đa dạng và tự do lưu thông. Hệ thống các chợ hoạt động tập nập cả ở thành thị và nông thôn. - Các thành phần kinh tế đa dạng. Khu vực ngoài nhà nước có vai trò quan trọng nhất - Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm thương mại và dịch vụ lớn nhất cả nước <p>* Ngoại thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại thương là hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng nhất ở nước ta - Nước ta nhập khẩu: Máy móc, thiết bị; nguyên nhiên vật liệu; hàng tiêu dùng - Nước ta xuất khẩu: Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp - Hoạt động ngoại thương chủ yếu với các nước khu vực châu Á- Thái Bình Dương như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á 	2 điểm
2 (1,5 đ)	<p>Kể tên 3 trung tâm du lịch quốc gia, 3 trung tâm du lịch vùng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 trung tâm du lịch quốc gia: Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh... - 3 trung tâm du lịch vùng: Hạ Long, Vinh, Nha Trang.... 	1, 5 điểm

3 (1,5đ)	<i>Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp</i> <ul style="list-style-type: none">- Góp phần tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông nghiệp- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp- Ổn định và phát triển các vùng chuyên canh	1, 5 điểm
-----------------	---	------------------

BGH DUYỆT

NT/TTCM DUYỆT

GV BỘ MÔN

Đặng Thị Tuyết Nhung

Hoàng Thu Hiền

Trần Thị Ngoan

Đề 3

Năm học 2020-2021
Thời gian làm bài. 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3Đ).

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
C	D	D	C	A	B	B	A	A	B
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
C	B	C	B	C	C	B	C	B	C

II. TỰ LUẬN (5Đ).

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1 (2đ)	<p>Đặc điểm phát triển ngành thương mại Việt Nam</p> <p>* Nội thương</p> <ul style="list-style-type: none">- Cả nước là một thị trường thống nhất. Hàng hoá dồi dào, đa dạng và tự do lưu thông. Hệ thống các chợ hoạt động tập nập cả ở thành thị và nông thôn.- Các thành phần kinh tế đa dạng. Khu vực ngoài nhà nước có vai trò quan trọng nhất- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh- Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm thương mại và dịch vụ lớn nhất cả nước <p>* Ngoại thương</p> <ul style="list-style-type: none">- Ngoại thương là hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng nhất ở nước ta- Nước ta nhập khẩu: Máy móc, thiết bị; nguyên nhiên vật liệu; hàng tiêu dùng- Nước ta xuất khẩu: Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp- Hoạt động ngoại thương chủ yếu với các nước khu vực châu Á- Thái Bình Dương như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á	2 điểm
2 (1,5 đ)	<p>Kể tên 3 trung tâm du lịch quốc gia, 3 trung tâm du lịch vùng</p> <ul style="list-style-type: none">- 3 trung tâm du lịch quốc gia: Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh...- 3 trung tâm du lịch vùng: Hạ Long, Vinh, Nha Trang....	1, 5 điểm

3 (1,5đ)	<i>Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp nước ta vì</i> <ul style="list-style-type: none">- Xả lũ vào mùa mưa và chống hạn vào mùa khô- Tăng diện tích đất canh tác- Thâm canh tăng vụ	1, 5 điểm
-----------------	--	------------------

BGH DUYỆT

NT/TTCM DUYỆT

GV BỘ MÔN

Đặng Thị Tuyết Nhung

Hoàng Thu Hiền

Trần Thị Ngoan

Đề 4

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3Đ).

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
C	B	C	C	B	C	B	B	A	A
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
B	D	D	C	A	B	C	A	B	C

II. TỰ LUẬN (5Đ).

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1 (2đ)	<p>Đặc điểm phát triển ngành thương mại Việt Nam</p> <p>* Nội thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả nước là một thị trường thống nhất. Hàng hoá dồi dào, đa dạng và tự do lưu thông. Hệ thống các chợ hoạt động tập nập cả ở thành thị và nông thôn. - Các thành phần kinh tế đa dạng. Khu vực ngoài nhà nước có vai trò quan trọng nhất - Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm thương mại và dịch vụ lớn nhất cả nước <p>* Ngoại thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại thương là hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng nhất ở nước ta - Nước ta nhập khẩu: Máy móc, thiết bị; nguyên nhiên vật liệu; hàng tiêu dùng - Nước ta xuất khẩu: Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp - Hoạt động ngoại thương chủ yếu với các nước khu vực châu Á- Thái Bình Dương như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á 	2 điểm
2 (1,5 đ)	<p>3 di sản thế giới tương ứng với các tỉnh của chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vịnh Hạ Long : Quảng Ninh + Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình) + Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) 	1, 5 điểm

3 (1,5đ)	<i>Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp</i> <ul style="list-style-type: none">- Góp phần tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông nghiệp- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp- Ổn định và phát triển các vùng chuyên canh	1, 5 điểm
-----------------	---	------------------

BGH DUYỆT

NT/TTCM DUYỆT

GV BỘ MÔN

Đặng Thị Tuyết Nhung

Hoàng Thu Hiền

Trần Thị Ngoan